

Số: /GPMT-UBND

Kon Tum, ngày tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường tại Báo cáo số 607/BC-TTĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 về kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư khai thác khoáng sản cát, sỏi sạn làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án Đầu tư khai thác khoáng sản cát, sỏi sạn làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum của Công ty TNHH Duyên Hải tại Văn bản số 02/CV-DH ngày 28 tháng 12 năm 2023 và hồ sơ đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 476/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Duyên Hải (địa chỉ trụ sở chính Thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư khai thác khoáng sản cát, sỏi sạn làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum⁽¹⁾, với các nội dung như sau:

¹ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất tại cuộc họp ngày 05 tháng 01 năm 2024.

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án: Đầu tư khai thác khoáng sản cát, sỏi sạn làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ thuộc thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 6100239314 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 6 năm 2017 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp.

1.4. Mã số thuế: 6100239314.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác khoáng sản cát, sỏi sạn làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi dự án: Thực hiện tại thôn 4, xã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Quy mô diện tích thực hiện dự án: 15.006 m², trong đó: Diện tích khai trường 8.990 m²; diện tích mặt bằng sân công nghiệp 4.547 m²; diện tích tuyến đường vận chuyển 1.469 m².

- Công suất:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác; trữ lượng được phép khai thác cấp 122 là 15.037m³, trong đó cát 13.020 m³; sỏi, sạn là 2.017 m³.

+ Khoáng sản cát 2.604 m³/năm ở thể tự nhiên, tương đương 2.929,5 m³/năm ở thể nguyên khai.

+ Khoáng sản sạn, sỏi: 403 m³/năm ở thể tự nhiên, tương đương 519,9 m³/năm ở thể nguyên khai.

+ Tổng vốn đầu tư của dự án: 806.162.664 đồng (*Tám trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng*)

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Duyên Hải được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Duyên Hải có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép đến tháng 02 năm 2029 (theo thời hạn của Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 365/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về: Quy trình thực hiện; đảm bảo thống nhất giữa hồ sơ và thực địa; các thông tin về tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu, số liệu các nội dung liên quan trong hồ sơ cấp phép môi trường của dự án.

- Tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh (để biết);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (t/h);
- UBND huyện Kon Rẫy (t/h);
- UBND xã Tân Lập (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử của UBND tỉnh (c/bố);
- Trang Thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường (c/bố);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, NNTN.HVT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU
CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài 5 m về bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi được xử lý qua bể tự hoại sẽ đưa qua giếng thấm và thấm vào đất.

2.2. Vị trí xả nước thải: Vị trí xả vào môi trường đất của dự án có tọa độ: $X = 1.602.695,99$; $Y = 577.680,46$ (theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $0,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự thấm vào đất.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày).

2.3.3. Chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi xả vào nguồn tiếp nhận: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

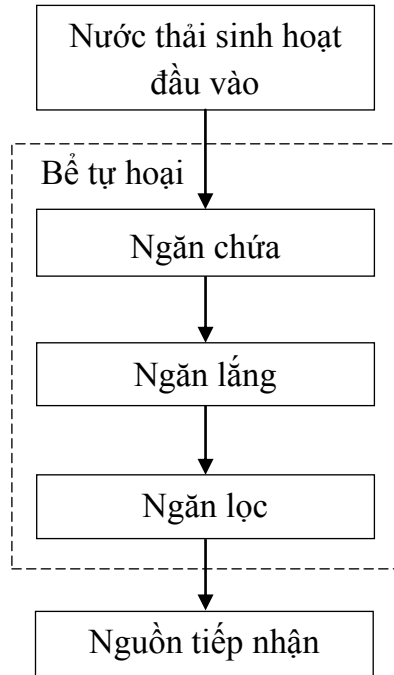
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh được thu gom bằng ống PVC D110 chiều dài 5m đưa về bể tự hoại.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn dung tích 5 m^3 được bố trí ngầm ngoài khu nhà vận hành. Định kỳ bổ sung chế phẩm sinh học vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình. Bùn thải phát sinh trong bể tự hoại định kỳ được Công ty hợp đồng với đơn vị dịch vụ có chức năng xử lý theo quy định.

Sơ đồ và quy trình xử lý như sau:



1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

Mặt bằng sân công nghiệp được thiết kế cao hơn so với bề mặt địa hình xung quanh là 0,2m và có độ dốc mặt là 3%. Để thoát nước tại sân công nghiệp bố trí rãnh nước (0,4mx0,3mx0,3m) kết cấu bằng đất có tổng chiều dài 546 m hồ thu gom có kích thước (0,4mx0,4mx0,4m) chạy xung quanh bãi tập kết.

Chất lượng nước sau khi qua hồ lắng vào nguồn nước tiếp nhận (sông Đăk Pnè) phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số pH, TSS, dầu mỡ phải đảm bảo cột A- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

3.3. Công ty TNHH Duyên Hải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn: Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, bốc xúc, máy móc thiết bị khai thác (trong khu vực dự án).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: Tại tuyến đường nội bộ; bãi tập kết, vị trí đặt bệ (hút cát, sỏi) khu vực khai thác.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Không liên tục.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đối với bụi và các chất vô cơ; đảm bảo theo QCVN 05:2023/BNTMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xả bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải:

- Trồng cây xanh dọc tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực mặt bằng sân công nghiệp để hạn chế bụi phát tán.

- Quét dọn sạch sẽ khuôn viên, chỗ đỗ xe và đoạn đường giao thông nội bộ trong khu vực dự án.

- Phun tưới tuyến đường từ khu vực dự án ra Quốc lộ 24 tần suất 2 lần/ngày; phun nước tại khu vực bốc xúc.

- Không chở cát, sỏi sạn quá trọng tải của xe tải khi lưu thông trong các tuyến đường ngoài phạm vi cấp phép; lót kín sàn xe, phủ bạt thùng xe để che chắn để giảm sự rơi vãi bụi, cát trên đường. Định kỳ bảo dưỡng máy móc, phương tiện.

3.3. Công ty TNHH Duyên Hải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn: từ hoạt động của các phương tiện giao thông, bốc xúc, máy móc thiết bị khai thác (trong khu vực dự án).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại tuyến đường nội bộ; bãi tập kết; vị trí đặt bệ (hút cát, sỏi) khu vực khai thác.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giới hạn đối với tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

| TT | Khu vực thông thường | | Giá trị giới hạn theo quy chuẩn |
|----|----------------------|-------------------|---------------------------------|
| | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | |
| 1 | 70 | 55 | QNVN 26:2010/BTNMT |
| 2 | 85 | | QCVN 24:2016/BYT |

3.2. Độ rung:

Giới hạn đối với độ rung phát sinh trong giai đoạn này đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

| TT | Khu vực thông thường | | Giá trị giới hạn theo quy chuẩn |
|----|----------------------|-------------|---------------------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | |
| 1 | 70 | 60 | QCVN 27:2010/BTNMT |

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt. Sử dụng máy móc thiết bị, phương tiện đã qua đăng kiểm.

- Bố trí thời gian khai thác, vận chuyển hợp lý trên khai trường. Không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Xây dựng kế hoạch khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế; vận chuyển đúng tải trọng quy định, bố trí lịch trình vận chuyển hợp lý về cả số lượng và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung. Yêu cầu tài xế giảm tốc độ, không bóp còi bừa bãi trong dừng chờ vận chuyển.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

- Trồng cây xanh dọc tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực mặt bằng sân công nghiệp để hạn chế bụi phát tán.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại phần A phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT | Tên chất thải | Mã CTNH | Trạng thái tồn tại | Số lượng trung bình (kg/năm) |
|-----------|--|----------------|---------------------------|-------------------------------------|
| 1 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | 16 01 06 | Rắn | 0,5 |
| 2 | Các loại dầu mỡ thải | 16 01 08 | Rắn/lỏng | 5 |
| 3 | Dầu thủy lực tổng hợp thải | 17 01 06 | Lỏng | 15 |
| 4 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại | 18 02 01 | Rắn | 2,0 |
| 5 | Pin, ắc quy chì thải | 19 06 01 | Rắn | 0,5 |
| | Tổng | | | 23 |

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4 kg/ngày, bao gồm vỏ trái cây, giấy, thức ăn thừa, vỏ đồ hộp, vật dụng, bao bì nhựa, rau củ quả thừa, bao nylon,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Phát sinh do hoạt động khai thác chủ yếu là sạn sỏi không đạt tiêu chuẩn để làm vật liệu xây dựng thông thường. Khối lượng phát sinh trong chu kỳ dự án khoảng 86,4m³.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: 04 thùng chứa dung tích 20 lít/thùng, 01 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng bố trí trong kho chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích: 15 m².

- Kết cấu: Lắp đặt bằng vỏ container 20 feet; có cửa khóa chắc chắn; bố trí biển cảnh báo cháy tại khu vực lưu chứa.

- Thực hiện lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại theo hướng dẫn của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: trong các thùng rác loại 10-20 lít tại khu vực nhà quản lý vận hành, hành lang, sân nội bộ.

- Công tác thu gom, xử lý: Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại ngay tại nguồn, các loại chất thải rắn có thể tái chế (*chai nhựa, lon nước ngọt, hộp giấy, ...*) được tách riêng để bán cho đơn vị thu mua phế liệu. Đối với rác không tái chế hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp:

Lượng sạn sỏi không đạt tiêu chuẩn để làm vật liệu xây dựng thông thường được sử dụng để tu sửa, gia cố đường vận chuyển và mặt bằng sân công nghiệp hàng năm. Đá thải phát sinh sẽ lưu giữ tạm thời tại bãi chứa nằm ở trong sân công nghiệp có diện tích khoảng 20 m².

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố về an toàn giao thông:

Cấm biển báo theo quy định tại vị trí giao lộ để báo hiệu khu vực có xe vận tải ra vào. Phân luồng xe xuyên suốt quá trình hoạt động khai thác, tránh gây tai nạn, ách tắc giao thông. Duy tu đường vận chuyển định kỳ và thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch xử lý, sửa chữa khi có dấu hiệu hư hỏng.

2. Sự cố sạt lở:

- Gia cố bờ sông đoạn tiếp giáp với tuyến đường vận chuyển nội bộ với chiều dài 190m bằng cách thả rọ đá xếp thành 03 lớp; gia cố khu tập kết đoạn tiếp giáp với bờ sông bằng cách đóng cọc tre với chiều dài 150m xếp thành 3 lớp đồng thời thực hiện xếp bao cát tại bãi chứa cát đoạn tiếp giáp với sông, chiều dài 178m, xếp thành 02 lớp.

- Khai thác cát đúng theo phương pháp và vị trí đã được phê duyệt. Không khai thác gần bờ và quá độ sâu quy định.

- Trong quá trình khai thác, nghiêm chỉnh thực hiện đúng theo quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ.

3. Phòng ngừa sự cố cháy nổ:

- Áp dụng các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy và chữa cháy.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ.

4. Chủ dự án có trách nhiệm:

Tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

1. Lựa chọn phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường từ năm đầu khai thác:
 - + Đóng cọc tre chống sạt lở tại khu vực bãi tập kết đoạn tiếp giáp với sông.
 - + Xếp bao cát dọc bãi chứa cát, đoạn tiếp giáp với sông để chống rửa trôi.
 - + Gia cố tuyến đường vận chuyển đoạn tiếp giáp với bờ sông
 - + Bạt mái taluy dương phía tiếp giáp với đất sản xuất, nhà điều hành; kết hợp tạo rãnh thoát nước xung quanh bãi tập kết cát và đường vận chuyển.
- Nội dung thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường ngay khi kết thúc khai thác, hoàn tất sau khi Giấy phép khai thác hết hạn:
 - + Tháo dỡ, thu dọn toàn bộ công trình phụ trợ, trang thiết bị, máy móc phục vụ cho hoạt động khai thác và vận chuyển ra khỏi phạm vi dự án; xử lý môi trường tại khu vực.
 - + San gạt cải tạo đất tại khu vực sân công nghiệp.
- Nội dung thực hiện cải tạo thường xuyên: Duy tu tuyến đường vận chuyển phục vụ dự án; nạo vét rãnh thoát nước.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường và thời gian thực hiện:

| TT | Tên công việc, khối lượng | Thời gian thực hiện |
|------------|---|---------------------|
| I. | <i>Khu vực khai trường khai thác</i> | |
| 1.1. | Tháo dỡ thiết bị, máy móc phục vụ khai thác: Tháo dỡ và di dời máy hút, hệ thống đường ống với khối lượng khoảng 0,5 tấn . Các thiết bị sau khi kết thúc khai thác sẽ được vận chuyển về kho của kho của Công ty tại thôn Mô Pá, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông với chiều dài quãng đường vận chuyển >100km, đường loại V. | Năm 2028-2029 |
| II. | <i>Khu vực mặt bằng sân công nghiệp.</i> | |
| 2.1. | Tại khu vực bãi tập kết: Đoạn tiếp giáp với bãi bồi sông thực hiện gia cố bằng cách đóng cọc tre loại có chiều dài ≤2,5m để chống sạt lở khu vực bãi tập kết với chiều dài đóng cọc tre 150m, đóng thành 3 lớp (150mx3) với độ sâu 1 m. | Năm 2023- 2024 |
| 2.2 | Xếp bao cát dọc bãi chứa cát, đoạn tiếp giáp với sông để chống rửa trôi cát xuống sông với chiều dài 178m, xếp thành 02 lớp (<i>tương đương chiều cao 01m</i>); số bao cát sử dụng | Năm 2023-2024 |

| TT | Tên công việc, khối lượng | Thời gian thực hiện |
|-------------|--|---|
| | 356 bao. | |
| 2.3. | Thực hiện nạo vét hệ thống rãnh thoát nước và hố ga định kỳ 01năm/lần với khối lượng 11,8m ³ . Tổng khối lượng cần nạo vét trong suốt thời gian hoạt động dự án khoảng 59m ³ | Đình kỳ 01năm/lần từ năm 2024 đến năm 2028 |
| 2.4. | - Tháo dỡ công trình phụ trợ: Tháo dỡ di dời 02 container 20 feet, thùng chứa chất thải nguy hại, chất thải sinh hoạt, trạm cân, phá dỡ và chôn lấp bề tự hoại..., Các công trình phụ trợ sau khi tháo dỡ sẽ được vận chuyển về kho của Công ty tại thôn Mô Pả, xã Đăk Hà, huyện Tu Mơ Rông với chiều dài quãng đường vận chuyển >100km, đường loại V. - Phá móng bê tông đặt Container 0,144 m ³ . Khối lượng bê tông móng đặt Container sẽ được tận dụng để sửa chữa tuyến đường dân sinh. | Năm 2028-2029 |
| 2.5. | Vệ sinh toàn bộ khu vực mặt bằng sân công nghiệp | Năm 2028-2029 |
| 2.6 | Mua đất màu để cải tạo đất tại khu vực sân công nghiệp với khối lượng 500 m ³ (độ dày 10cm) | Năm 2028-2029 |
| III. | Tuyến đường vận chuyển nội bộ | |
| 3.1. | Gia cố tuyến đường vận chuyển đoạn tiếp giáp với bờ sông đã bị sạt lở bằng cách thả 285 rọ đá loại 2x1x0,5m, xếp 03 lớp trên đoạn đường có chiều dài 190m | Năm 2023-2024 |
| 3.2 | Bạt mái taluy dương phía tiếp giáp với đất sản xuất, nhà điều hành với chiều dài 369m; kết hợp tạo rãnh thoát nước xung quanh bãi tập kết cát và đường vận chuyển với tổng chiều dài 546m. | Năm 2023- 2024 |
| 3.3. | Sửa chữa tuyến đường vận chuyển nội bộ: San gạt những nơi bị hư hỏng, khối lượng san gạt hàng năm 17,28m ³ . Tổng khối lượng san gạt trong thời gian khai thác 86,4 m ³ . | Trong quá trình khai thác và khi kết thúc khai thác (năm 2028-2029) |

3. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 294.696.842 đồng (Hai trăm chín mươi tư triệu, sáu trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng).

- Số lần ký quỹ: 05 lần.

+ Lần 1, số tiền: 73.674.211 đồng (Bảy mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, hai trăm mười một đồng)².

+ Các lần tiếp theo (4 lần), số tiền: 55.255.658 đồng/lần (Năm mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng/lần).

- Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023.

² Đã thực hiện nộp tiền ký quỹ cải tạo môi trường lần đầu vào ngày 28/12/2023.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum. Tài khoản số: 110616717777 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam- CN tỉnh Kon Tum.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về trách nhiệm của Công ty nêu tại Giấy phép khai thác khoáng sản số 247/GP-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.
